

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẢM XÚC - XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VIỆT NAM

Giang Thiên Vũ¹,
Huỳnh Văn Sơn^{1,+},
Trần Chí Vĩnh Long¹,
Lê Thụy Mỹ Châu²

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

²Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: sonhv@hcmue.edu.vn

Article history

Received: 24/6/2023

Accepted: 12/8/2023

Published: 20/10/2023

Keywords

Social-emotional
competence, SEL, high
school students, context

ABSTRACT

Social-emotional competence has become a popular research topic in Vietnam recently because it is in line with the competency and quality-based educational approach of the 2018 general education Program. This study was conducted with the aim of finding out the current context of high school students' social-emotional competence in Vietnam. The results show that the students had above-average social-emotional competence, they had the ability to recognize and manage emotions, empathize and showed empathy for others, established and maintained positive relationships, and made responsible decisions. However, this ability only reached the level of understanding and there was no link between the component social-emotional competencies. The findings depict the general picture of the social-emotional competence of high school students currently and call for more in-depth research works on social-emotional competence in Vietnam.

1. Mở đầu

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đề cập đến ba năng lực (NL) chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) cần có trong sự phát triển cá nhân của HS, nội hàm và các thành tố của ba NL chung này có sự tương đồng ở khía cạnh phát triển NL cảm xúc - xã hội (CX-XH) của mỗi cá nhân. Điều này cho thấy, NL CX-XH đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển cá nhân của mỗi HS. HS THPT là độ tuổi có nhiều sự biến động về NL CX-XH và các nghiên cứu về NL CX-XH của HS THPT hiện nay tập trung ở khía cạnh mô tả về các thành tố cấu thành NL CX-XH, cũng như đặt trong sự phát triển xuyên suốt của con người (nghiên cứu trường diễn từ mầm non, tiểu học, trung học và đại học) (Durlak, 2015). Tuy nhiên, trong sự hiểu biết của tác giả, các nghiên cứu về NL CX-XH của HS THPT tại Việt Nam là một khoảng trống. Các công bố trước đây liên quan đến NL CX-XH hoặc mô hình Giáo dục CX-XH (Social-Emotional Learning, SEL) đều nghiên cứu, điều tra trên nhóm khách thể trẻ em tuổi mầm non (Trương Thị Diễm Phượng, 2017), HS tiểu học (Trần Thị Tú Anh, 2018; Huỳnh Văn Sơn, 2019), HS THCS (Nguyễn Thị Tứ, 2019) và sinh viên (Kiều Thị Thanh Trà, 2022). Gần đây nhất là nghiên cứu về NL CX-XH của vị thành niên do tác giả Giang Thiên Vũ (2023) thực hiện, tuy nhiên độ tuổi mà tác giả giới hạn trải từ 12 đến 18 tuổi nên chưa sâu sát ở giai đoạn HS THPT (16-18 tuổi). Do đó, việc nghiên cứu, nhất là điều tra thực trạng về NL CX-XH của HS THPT là rất cần thiết để bổ sung dữ liệu quan trọng giúp hoàn thiện cơ sở lý luận và bằng chứng thực tiễn của bức tranh mô tả về NL CX-XH của trẻ em, vị thành niên và thanh niên tại Việt Nam. Xuất phát từ các lý do trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích điều tra và mô tả thực trạng NL CX-XH của HS THPT tại Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận khung lý thuyết về NL CX-XH và xây dựng bảng hỏi dựa trên mô hình SEL của CASEL (Zins, 2004; Durlak, 2015; Huỳnh Văn Sơn, 2019). Theo đó, NL CX-XH được định nghĩa là quá trình sử dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để nhận thức và quản lý cảm xúc bản thân, cảm thông và đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, ra quyết định một cách có trách nhiệm (Huỳnh Văn Sơn, 2019). Năm NL thành phần trong NL CX-XH được nhất quán xác định trong mô hình SEL bao gồm:

- *NL nhận thức bản thân*: khả năng nhận thức một cách chính xác những cảm xúc, suy nghĩ của mình và sự ảnh hưởng của chúng tới hành vi của mình. Đánh giá chính xác sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, hiệu quả của mình và

duy trì sự tự tin (Huỳnh Văn Sơn, 2019). NL này gồm các biểu hiện: nhận thức về cảm xúc của một ai đó, hiểu được nguyên nhân của cảm xúc, và vai trò của cảm xúc đối với tâm trạng và hành vi của cá nhân.

- *NL quản lý bản thân*: khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ và hành vi trong những tình huống khác nhau để ứng phó với căng thẳng, kiểm soát xung đột, động viên bản thân để kiên trì vượt qua những trở ngại, thiết lập và giám sát tiến trình đạt được các mục tiêu cá nhân và học tập và thể hiện cảm xúc một cách hợp lý (Huỳnh Văn Sơn, 2019). NL này gồm các biểu hiện: quản lý cảm xúc có hiệu quả, quản lý tính bốc đồng và ứng phó hiệu quả với căng thẳng, đặt ra các mục đích có thể đạt được và huy động các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đó, khả năng tập trung hoàn toàn vào các nhiệm vụ hiện tại, quản lý thời gian hiệu quả, kỹ năng tổ chức, cũng như khả năng sử dụng các phản hồi mang tính xây dựng nhận được từ những người khác để cải thiện hoạt động của cá nhân.

- *NL nhận thức xã hội*: khả năng nhìn nhận, đồng cảm với người khác từ những nền văn hoá và nguồn gốc khác nhau. Nhận ra và đánh giá những điểm tương đồng và sự khác biệt cá nhân và nhóm (Huỳnh Văn Sơn, 2019). NL này gồm các biểu hiện: đánh giá sự khác biệt của người khác, hiểu và thừa nhận quan điểm của người khác, thể hiện sự quan tâm cao đến người khác, và cho thấy sự nhạy cảm và sự cảm thông, thấu cảm với những trải nghiệm cảm xúc của người khác.

- *NL làm chủ các mối quan hệ*: khả năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ lành mạnh và bổ ích với nhiều cá nhân và tập thể trên cơ sở hợp tác và chống lại áp lực xã hội không thích hợp. Ngăn ngừa, quản lý và giải quyết có chủ đích về xung đột giữa các cá nhân và tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết (Huỳnh Văn Sơn, 2019). NL này gồm các biểu hiện: giao tiếp cởi mở và rõ ràng, quyết đoán, thể hiện cả cảm xúc tích cực và tiêu cực theo cách phù hợp với xã hội, cộng tác với người khác, đàm phán và giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình, cung cấp và yêu cầu sự giúp đỡ khi cần thiết và thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực với những người khác.

- *NL ra quyết định có trách nhiệm*: khả năng đưa ra các sự lựa chọn mang tính xây dựng về hành vi cá nhân và tương tác xã hội dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức và chuẩn mực xã hội và tôn trọng người khác; đánh giá rủi ro và ra các quyết định đúng đắn, chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định của mình (Huỳnh Văn Sơn, 2019). NL này gồm các biểu hiện: đánh giá các tình huống một cách chính xác và phản ứng bằng cách xây dựng, xác định và làm rõ các vấn đề bằng cách sử dụng các chiến lược tự phản ánh và kỹ năng giải quyết vấn đề và thực hiện theo một các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm đạo đức.

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng năng lực cảm xúc - xã hội của học sinh trung học phổ thông Việt Nam

2.2.1. Tổ chức nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu cắt ngang bằng bảng hỏi trên nhóm khách thể là HS THPT (16-18 tuổi) đang sinh sống và học tập tại Việt Nam. Bảng hỏi được thiết kế để khảo sát 2.008 HS THPT ở TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội và TP. Đà Nẵng bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Thời điểm nghiên cứu từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2022.

Thiết kế nghiên cứu được thực hiện dựa trên bảng hỏi đã thử nghiệm trước nhằm đánh giá nhóm khách thể trên quần thể mẫu đại trà thông qua sự giới thiệu và cho phép của các Sở GD-ĐT, Ban Giám hiệu các trường THPT và cha mẹ HS tại các khu vực tham gia nghiên cứu. Nhóm mẫu chính thức là nhóm mẫu tham gia tự nhiên của các khối lớp, không có sự chọn lọc nào mang tính chủ định.

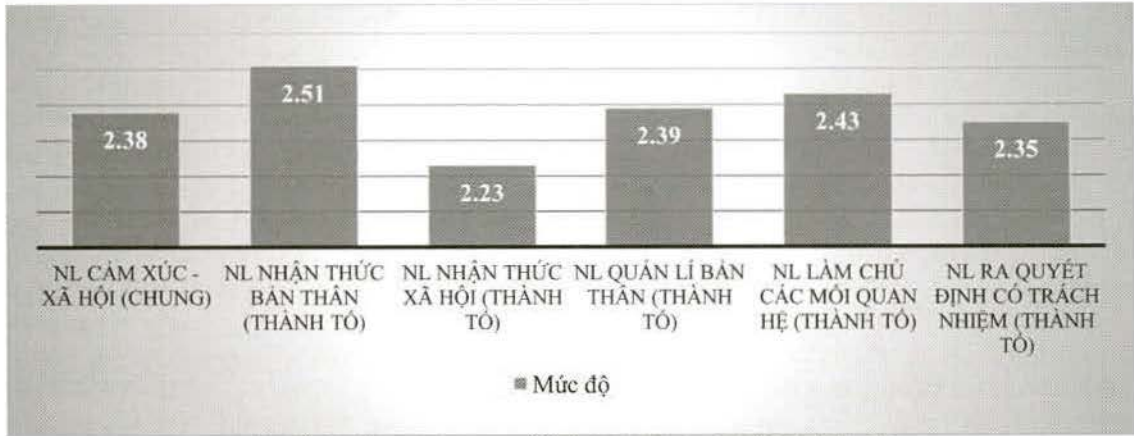
Bảng hỏi được thiết kế gồm: (1) Giới thiệu nghiên cứu; (2) Thông tin khách thể; (3) Nội dung khảo sát: Các câu hỏi về thực trạng NL nhận thức bản thân của HS tiểu học bao gồm 20 câu hỏi; về thực trạng NL nhận thức xã hội của HS THPT bao gồm 18 câu hỏi; về thực trạng NL quản lý bản thân của HS THPT bao gồm 8 câu hỏi; về thực trạng NL làm chủ các mối quan hệ của HS THPT bao gồm 12 câu hỏi; về thực trạng NL ra quyết định có trách nhiệm của HS THPT bao gồm 11 câu hỏi. Các câu trả lời cho các câu hỏi được thiết kế sẵn thành 3 mức độ (3 point - Likert scale) để HS lựa chọn.

Phân tích dữ liệu: Các trả lời câu hỏi và cách xử lý các tình huống của HS được đánh giá trên 3 mức độ và được mã hóa bằng phần mềm SPSS 26.0 như sau: Mức độ 1 = 1, mức độ 2 = 2, mức độ 3 = 3. Như vậy, ý nghĩa của các mức được tính như sau: Từ mức 1 đến 1.67 = mức độ dưới trung bình (TB); Từ mức 1.68 đến 2.33 = mức độ TB; Từ mức 2.34 đến 3 = mức độ trên TB.

Chúng tôi tiến hành xuất điểm TB cho các NL và biểu hiện của các NL.

2.2.2. Đánh giá chung về năng lực cảm xúc - xã hội của học sinh trung học phổ thông

Kết quả điều tra thực trạng chung về NL CX-XH của HS THPT Việt Nam được phân tích dựa trên thang đo 3 mức đã xác lập. Có thể khái quát chung về NL CX-XH của HS THPT Việt Nam theo biểu đồ 1:



Biểu đồ 1. Đánh giá chung về NL CX-XH của HS THPT Việt Nam

Xét về điểm trung bình (ĐTB) chung, HS THPT có ĐTB chung về NL CX-XH ở mức 2.38, ứng với mức trên TB theo thang đo. Tuy nhiên, khi xét về tỉ lệ phần trăm ở các mặt trong từng thành tố NL CX-XH của HS, có sự không đồng đều. NL nhận thức bản thân (ĐTB = 2.51), NL làm chủ các mối quan hệ xã hội (ĐTB = 2.43), NL quản lý bản thân (ĐTB = 2.39) và NL ra quyết định có trách nhiệm (ĐTB = 2.35) có mức độ trên TB; trong khi NL nhận thức xã hội (ĐTB = 2.23) chỉ ở mức TB. Kết quả này phản ánh một mức độ nào đó trong NL CX-XH của HS, việc nhìn nhận, quan sát, hiểu biết về các mối quan hệ xã hội, các hiện tượng xã hội quanh cuộc sống của các em bị hạn chế ít nhiều, và điều này có nguy cơ dẫn đến các hệ lụy về bạo lực học đường, bắt nạt trực tuyến, xâm hại tình dục... Kết quả này phản ánh sự tương đồng với thực trạng các vấn đề xã hội kể trên được công bố gần đây ở Việt Nam (Giang Thiên Vũ, 2023), với kết quả định hình chung rằng: HS THPT Việt Nam biết, nhưng chưa đủ và sâu về các hiện tượng tâm lý - xã hội hiện đại, kéo theo các vấn đề nguy cơ về sức khỏe tâm thần đáng được quan tâm và nghiên cứu sâu hơn.

2.2.3. Đánh giá chi tiết về các năng lực thành phần trong năng lực cảm xúc - xã hội của học sinh trung học phổ thông

2.2.3.1. Đánh giá năng lực nhận thức bản thân của học sinh trung học phổ thông

Kết quả đánh giá thực trạng tự nhận thức bản thân của HS THPT được phân tích dựa trên thang đo 3 mức đã xác lập với từng mức độ cụ thể và thứ hạng của từng biểu hiện. Kết quả thể hiện ở bảng 1:

Bảng 1. Đánh giá của HS THPT về NL nhận thức bản thân

Biểu hiện của NL nhận thức bản thân	ĐTB	Mức độ
Nhận thức về bản thân là nhận biết cảm xúc, điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu, ước muốn, giá trị của mình	2.76	Trên TB
Nhận thức về bản thân có vai trò quan trọng và cần thiết trong học tập và cuộc sống	2.73	Trên TB
Thường tự tìm hiểu, xác định ưu điểm và hạn chế của mình	2.13	TB
Biết mình học giỏi môn gì	2.65	Trên TB
Biết mình học chưa tốt môn gì	2.72	Trên TB
Biết mình thích nhất món ăn gì	2.84	Trên TB
Biết mình ghét nhất món ăn gì	2.58	Trên TB
Biết ưu điểm của mình	2.24	TB
Biết khuyết điểm của mình	2.12	TB
Biết điều quan trọng nhất đối với bản thân	2.72	Trên TB
Biết ước muốn của mình	2.64	Trên TB
Biết tính cách, phẩm chất bản thân có	2.14	TB
Biết tự nhận ra lỗi của mình dù không ai nhắc nhở	2.35	Trên TB
ĐTB chung	2.51	Trên TB

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, mức độ NL nhận thức về mình của HS THPT có ĐTB chung = 2.51 - ứng với mức trên TB. ĐTB các biểu hiện cụ thể của NL tự nhận thức về mình ở nhóm mẫu có sự dao động từ mức 2.12 cho đến 2.84 - trải khá dài. Kết quả này phản ánh, HS THPT bắt đầu phát triển khá rõ NL tự nhận thức về cảm xúc của bản thân và cái tôi của các em bắt đầu phát triển nên những cảm xúc liên quan đến nhu cầu được tôn trọng bắt đầu ảnh

hương, chi phối. Đây là một điển hình trong sự phát triển nhân cách trong tâm lý lứa tuổi của HS THPT Việt Nam như các tác giả trước đây nghiên cứu về vấn đề này đã công bố: Đỗ Hạnh Nga (2014), Trương Thị Khánh Hà (2016), Lý Minh Tiên và cộng sự (2016). Nghiên cứu của chúng tôi khẳng định NL nhận thức bản thân của HS THPT có những nét tương đồng với các nghiên cứu trước đây và có thể xem xét nhìn nhận như một nét tâm lý điển hình của HS THPT thế hệ gen Z.

2.2.3.2. Đánh giá năng lực nhận thức xã hội của học sinh trung học phổ thông

Bảng 2. Đánh giá của HS THPT về NL nhận thức xã hội

Biểu hiện của NL nhận thức xã hội	ĐTB	Mức độ
Nhận thức về người khác là nhìn nhận, đồng cảm với người khác, nhận ra điểm tương đồng và sự khác biệt	2.67	Trên TB
Nhận thức về người khác có vai trò quan trọng và cần thiết trong học tập và cuộc sống	2.45	Trên TB
Thích tìm hiểu về người khác	2.11	TB
Thường tìm hiểu để nhận thức về người khác	1.98	TB
Biết bố mẹ mong muốn ở mình điều gì	2.73	Trên TB
Biết thầy cô mong muốn ở mình điều gì	2.48	Trên TB
Biết bạn bè mong muốn ở mình điều gì	1.84	TB
Biết bố mẹ nghĩ gì hay đánh giá thế nào về mình	1.90	TB
Biết thầy cô đánh giá thế nào về mình	1.84	TB
Biết bạn bè nghĩ gì hay đánh giá thế nào về mình	1.66	Dưới TB
Nhận ra khi nào người khác buồn hay vui dù họ không nói	2.36	Trên TB
Nhận ra điều thầy cô, bố mẹ, bạn bè yêu thích	2.03	TB
Biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông cho họ	2.31	TB
Thấy thương người khác khi điều không mong muốn xảy ra cho họ	2.56	Trên TB
Trò chuyện, chơi cùng bạn bè đến từ vùng miền khác nhau	2.12	TB
Tiếp thu và chấp nhận ý kiến từ bạn bè hay người khác	2.31	TB
Tuần trước A làm bài kiểm tra không tốt. A lo lắng đến mất ngủ suốt cả tuần rồi dù đang bị bệnh. Là bạn thân của A, em sẽ có cảm xúc gì?	2.75	Trên TB
Biết thầy cô sẽ có cảm xúc gì khi em nói chuyện riêng trong lớp học	2.39	Trên TB
ĐTB chung	2.23	TB

Bảng 2 cho thấy, ĐTB chung mức độ NL nhận thức xã hội của HS THPT là 2.23 - ứng với mức TB. Trong khi đó, ĐTB các biểu hiện hay các mặt cụ thể về nhận thức xã hội của nhóm mẫu có điểm số từ 1.66 đến 2.75, dao động ở cả 3 mức dưới TB, TB và trên TB. Đáng quan tâm nhất là biểu hiện “Biết bạn bè nghĩ gì hay đánh giá thế nào về mình” đề cập đến khả năng nhận thức về mối quan hệ bạn bè. Liệu đây có phải là một thực trạng cần được quan tâm nhiều hơn về chất lượng tình bạn của HS THPT hiện nay, rằng đây có thể là nguyên nhân tiềm ẩn của các hiện tượng bạo lực học đường, bắt nạt trực tuyến hiện nay như các công bố quốc tế đã đề cập đến mối liên hệ giữa bạo lực học đường với nhận thức về tình bạn ở vị thành niên (Mumford et al., 2020), hoặc mối liên hệ giữa chất lượng tình bạn và bạo lực, bắt nạt học đường ở vị thành niên (Decker & Van Winkle, 2020). Không những thế, khi phân tích qua các biểu hiện đạt mức TB và trên TB ở HS cho thấy ở lứa tuổi này, các em đã bắt đầu có sự chú ý tìm hiểu người khác, biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác nhưng sự phát triển khả năng này không đồng đều giữa các em trong cùng độ tuổi. Minh chứng này cũng cho thấy việc định hướng khả năng ứng xử của HS THPT không thể áp đặt hay dùng chuẩn chung, cần dựa trên sự nhạy cảm hay khả năng đồng cảm của các em để định hướng, hướng dẫn phù hợp và tuân tự theo định hướng phát triển NL.

2.2.3.3. Đánh giá năng lực quản lý bản thân của học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát thực trạng NL quản lý bản thân của HS THPT được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của HS THPT về NL quản lý bản thân

Biểu hiện của NL quản lý bản thân	ĐTB	Mức độ
Làm chủ bản thân là việc điều chỉnh cảm xúc và hành vi của bản thân khi giao tiếp	2.72	Trên TB
Sự cần thiết của làm chủ cảm xúc và hành vi của bản thân khi giao tiếp	2.75	Trên TB
Thường làm chủ được bản thân	2.38	Trên TB
Khi giận dữ, có thể làm chủ được lời nói và hành động	1.92	TB

Suy nghĩ trước khi làm việc nào đó	2.49	Trên TB
Biết giữ bình tĩnh khi điều không muốn xảy ra	2.25	TB
Biết suy nghĩ lạc quan trong mọi tình huống	2.17	TB
Có thể tự đứng dậy khi thất bại, vấp ngã	2.59	Trên TB
ĐTB chung	2.39	Trên TB

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, ĐTB chung NL quản lý bản thân của HS THPT là = 2.39 - ứng với mức trên TB. ĐTB các biểu hiện hay các mặt cụ thể về NL quản lý bản thân của nhóm mẫu có điểm số từ 1.92 đến 2.75 cho thấy có sự dàn trải trong khả năng quản lý bản thân ở các em HS hiện nay. Kết quả này tương tự như phát hiện của tác giả Giang Thiên Vũ (2021) về NL quản lý cảm xúc của vị thành niên Việt Nam và tác giả Đinh Đức Hợi và Nguyễn Thị Yến (2014) về NL quản lý bản thân của HS trung học tại tỉnh Thái Nguyên. HS THPT là độ tuổi vẫn đang trên hành trình tìm hiểu, bùng nổ, lắng đọng và học cách quản lý cảm xúc, quản lý hành vi bản thân trong sự phát triển của con người (Trương Thị Khánh Hà, 2016). Tùy thuộc vào hoàn cảnh, trình độ học vấn, tình trạng gia đình, nguồn lực cá nhân của HS sẽ tác động theo cách khác nhau đến khả năng quản lý hành vi và cảm xúc của các em. Do đó, khi nghiên cứu về NL này, nhất thiết phải đặt trong các bối cảnh được kiểm soát (thực nghiệm xã hội) hoặc phỏng vấn cá nhân (theo thiết kế nghiên cứu định tính) để khám phá sâu sắc hơn về bản chất của NL này ở HS. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ dừng ở mức độ tìm hiểu các biểu hiện hành vi được thể hiện ra bên ngoài do khách thể tự báo cáo chứ chưa thực sự nghiên cứu sâu về bản chất của hành vi. Đây là một hạn chế và cũng là cơ hội của các nghiên cứu tiếp sau về NL quản lý bản thân ở HS THPT kế thừa.

2.2.3.4. Đánh giá năng lực làm chủ các mối quan hệ của học sinh trung học phổ thông

Kết quả đánh giá thực trạng NL làm chủ các mối quan hệ xã hội của HS THPT ở nhóm khách thể khảo sát được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của HS THPT về NL làm chủ các mối quan hệ

Biểu hiện của NL làm chủ các mối quan hệ	ĐTB	Mức độ
Làm chủ các mối quan hệ xã hội là tìm cách thiết lập và duy trì mối quan hệ với bạn bè, người thân, người xung quanh	2.62	Trên TB
Sự cần thiết của việc thiết lập và làm chủ mối quan hệ xã hội đối với việc học tập và cuộc sống	2.58	Trên TB
Thường chủ động thiết lập và làm chủ mối quan hệ xã hội	2.06	TB
Lắng nghe khi người khác có điều muốn nói	2.71	Trên TB
Có thể bày tỏ cảm xúc của mình cho người khác	2.16	TB
Thích nói chuyện với nhiều người khác nhau	2.28	TB
Cảm thấy vui khi giúp đỡ ai đó	2.77	Trên TB
Có thể chấp nhận cả ưu, khuyết điểm của người khác	2.13	TB
Kết bạn một cách dễ dàng	2.35	Trên TB
Cảm thấy thoải mái khi em ở một nhóm gồm nhiều người	2.12	TB
Hợp tác tốt với bạn bè trong học tập	2.47	Trên TB
Khi gặp xung đột, em giải quyết mâu thuẫn bằng cách thương lượng	2.15	TB
Khi cảm thấy một yêu cầu, đề nghị là vô lý, em cương quyết từ chối	2.42	Trên TB
ĐTB chung	2.43	Trên TB

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, ĐTB chung mức độ NL làm chủ các mối quan hệ của HS THPT là 2.43 - ứng với mức độ trên TB. ĐTB các mặt cụ thể về NL làm chủ các mối quan hệ của HS THPT có sự dao động từ 2.06 đến 2.77 cho thấy có sự dàn trải ở 2 mức độ TB và trên TB trong NL này ở HS. Có thể nhận thấy, kết quả này phản ánh khả năng ứng xử, thiết lập và duy trì mối quan hệ của HS hiện nay rất đa dạng và chưa vận dụng những hiểu biết đã được trang bị để có thể ứng xử đảm bảo hiệu quả của sự tương tác trên nền tảng của NL CX-XH. Nghiên cứu của tác giả Sommerfield và cộng sự (2022) về NL làm chủ các mối quan hệ của vị thành niên cũng đưa ra các kết luận tương tự khi bản chất của vấn đề phụ thuộc vào các điều kiện giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường mà vị thành niên đó nhận được xuyên suốt quá trình phát triển sẽ tác động đến khả năng thiết lập và duy trì quan hệ xã hội của các em. Nếu chỉ phân tích ở bình diện biểu hiện mà chưa đi sâu vào động cơ thôi thúc sẽ là một giới hạn. Tuy nhiên, nếu không có các phát hiện ở bình diện thực trạng biểu hiện hành vi thì rất khó để các nghiên cứu tiếp sau kế thừa và điều tra chi tiết hơn về vấn đề này. Không những thế, một giả thuyết mà tác giả đặt ra xoay quanh NL này ở HS

THPT chính là: Nếu HS có khả năng làm chủ các mối quan hệ, vậy tại sao hiện tượng bạo lực học đường lại luôn là điểm nóng trong lĩnh vực giáo dục và tâm lý ở Việt Nam? Nếu thực sự HS THPT có NL làm chủ các mối quan hệ thì do đâu mà bạo lực học đường vẫn tồn tại? Liệu rằng HS đã thực sự có NL CX-XH hay chỉ là sự hiểu biết chung chung, không có sự logic và lộ trình rèn luyện phù hợp với khả năng, hoàn cảnh của các em?

2.2.3.5. Đánh giá năng lực ra quyết định có trách nhiệm của học sinh trung học phổ thông

Bảng 5. Đánh giá của HS THPT về NL ra quyết định có trách nhiệm

Nội dung	ĐTB	Mức độ
Ra quyết định có trách nhiệm là đưa ra sự lựa chọn đúng, phù hợp nhất và chịu trách nhiệm	2.68	Trên TB
Ra quyết định có trách nhiệm có vai trò quan trọng trong học tập và cuộc sống	2.73	Trên TB
Thường chú ý đến việc lựa chọn các quyết định	2.37	Trên TB
Trước khi ra quyết định, em suy nghĩ thiệt, hơn rồi mới thực hiện	2.50	Trên TB
Khi bạn có món đồ mới mà em thích, em không muốn mua ngay	1.63	Dưới TB
Em thường tự nhận lỗi khi làm sai	2.56	Trên TB
Em là người dám làm dám chịu	2.48	Trên TB
Em tự dọn dẹp, bảo quản đồ dùng của mình sau khi sử dụng	2.61	Trên TB
Khi đã hứa, em giữ lời	2.59	Trên TB
Xem học giỏi là vẫn chưa hoàn thành trách nhiệm của mình	1.98	TB
Nếu sai, em có thể nhận lỗi cả với em hoặc các bạn nhỏ tuổi hơn mình	2.53	Trên TB
ĐTB chung	2.35	Trên TB

Bảng 5 cho thấy, mức độ NL ra quyết định có trách nhiệm của HS THPT có ĐTB chung = 2.35 - ứng với mức trên TB một chút. ĐTB các biểu hiện cụ thể của khả năng ra quyết định có trách nhiệm ở nhóm mẫu có sự dao động từ 1.63 đến 2.73 - trải dài từ mức độ dưới TB đến mức độ TB và trên TB. Kết quả này phản ánh cho thấy HS ở lứa tuổi này đã bắt đầu biết ra những quyết định có trách nhiệm và biết chịu trách nhiệm với những quyết định của mình tuy chưa thật phù hợp với mong đợi chuẩn mực của hành vi xã hội. Không chỉ vậy, biểu hiện ở mức dưới TB là “Khi bạn có món đồ mới mà em thích, em không muốn mua ngay” (ĐTB=1.63) phản ánh nét trẻ con trong nhân cách của HS THPT, chứng minh cho sự hồn nhiên của độ tuổi này vẫn còn tồn tại dù bối cảnh xã hội đã thay đổi so với các giai đoạn trước đó. Phát hiện này củng cố cho các quan điểm trước đây về sự phát triển nhân cách của HS THPT (Đỗ Hạnh Nga, 2014; Trương Thị Khánh Hà, 2016; Lý Minh Tiên và cộng sự, 2016) rằng có sự tương đồng trong tâm lý lứa tuổi của thế hệ Z với các thế hệ trước đó.

Nhìn chung, kết quả tìm hiểu về thực trạng NL CX-XH của HS THPT thông qua sự tự đánh giá của HS dựa trên các biểu hiện thành phần của NL CX-XH theo thang đo xác lập, chúng tôi phát hiện sự hạn chế trong khả năng thực hành và liên kết các NL thành phần ở các em trong việc ứng phó với các vấn đề cuộc sống và cân bằng đời sống tinh thần. Khả năng hiện tại của HS chủ yếu tập trung trong phạm vi nhận biết về NL CX-XH chứ chưa có những biện pháp, cách thức thực hành khoa học, phù hợp.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về thực trạng NL CX-XH trên 2.008 HS THPT ở Việt Nam cho thấy, HS có NL này ở mức độ trên TB - nghĩa là HS có sự hiểu biết nhất định về bản thân và biết cách quản lý cảm xúc - hành vi phù hợp, biết đặt và thực hiện những mục tiêu mang tính tích cực, biết cảm thông và thể hiện sự đồng cảm đối với người khác, biết thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực và ra quyết định có trách nhiệm. Trong 5 NL CX-XH thành phần, NL nhận thức bản thân được thể hiện tốt hơn các NL còn lại; trong khi đó, NL nhận thức xã hội có mức độ thể hiện thấp nhất chứng tỏ sự vênh trong hiểu biết của HS về các vấn đề cá nhân với sự thay đổi của bối cảnh. Đáng chú ý hơn, NL nhận thức xã hội chỉ ở mức độ TB, trong khi các NL còn lại ở mức trên TB phản ánh giới hạn trong khả năng nhìn nhận, đồng cảm với người khác từ những nền văn hoá và nguồn gốc khác nhau, cũng như khả năng nhìn nhận và đánh giá những điểm tương đồng và sự khác biệt cá nhân và nhóm ở HS hiện nay. Tuy nhiên, sự hiểu biết/tự đánh giá về NL CX-XH của HS chỉ mới dừng lại ở mức độ nền tảng, bằng chứng là nhiều biểu hiện trong các NL thành phần của NL CX-XH ở mức dưới TB và TB, HS gặp nhiều hạn chế trong thực hiện các biểu hiện này. Kết quả này phản ánh công tác giáo dục CX-XH cho HS THPT vẫn chưa hiệu quả và có sự đồng bộ giữa các kĩ năng CX-XH hay hướng đến việc giúp HS thực hành có hiệu quả các NL này trong cuộc sống của các em. Các phát hiện trong nghiên cứu cung cấp bức tranh chung về NL CX-XH của HS THPT hiện nay và mở ra các hướng nghiên cứu chuyên sâu hơn về các NL thành phần, hoặc tìm hiểu bản chất bên trong của các NL này để hướng đến lí giải được các

nguyên nhân, rào cản khiến HS khó phát triển được NL CX-XH trong bối cảnh xã hội hiện tại. Chúng tôi hi vọng, đây sẽ là nguồn dữ liệu quan trọng cho công tác giáo dục và tâm lý học đường Việt Nam hiện nay để xây dựng được các chương trình giáo dục CX-XH phù hợp với đặc điểm tâm lý của HS THPT.

Tài liệu tham khảo

- Decker, S. H., & Van Winkle, B. (2020). Life in the gang: Family, friends, and violence. In *Crime, Inequality and the State* (pp. 338-352). Routledge.
- Durlak, J. A. (Ed.). (2015). *Handbook of social and emotional learning: Research and practice*. Guilford Publications.
- Đinh Đức Hợi và Nguyễn Thị Yến (2014). Biểu hiện về trí tuệ xúc cảm của học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 121(7), 49-53.
- Đỗ Hạnh Nga (2014). *Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giang Thiên Vũ (2021). Thực trạng khả năng quản lý cảm xúc của người vị thành niên Việt Nam từ góc độ sức khỏe cảm xúc - xã hội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 18(7), 1200-1212.
- Giang Thiên Vũ (2023). *Năng lực cảm xúc - xã hội của vị thành niên Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huỳnh Văn Sơn (2019). *SEL và định hướng ứng dụng trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kiều Thị Thanh Trà (2022). Thực nghiệm nâng cao năng lực cảm xúc - xã hội cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 19(10), 1692-1702.
- Lý Minh Tiên, Nguyễn Thị Tứ, Bùi Hồng Hà, Huỳnh Lâm Anh Chương (2016). *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mumford, E. A., Taylor, B. G., & Giordano, P. C. (2020). Perpetration of adolescent dating relationship abuse: The role of conditional tolerance for violence and friendship factors. *Journal of Interpersonal Violence*, 35(5-6), 1206-1228.
- Nguyễn Thị Tứ (2019). *Ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội (Social and emotional Learning - SEL) vào hoạt động giáo dục cấp trung học cơ sở*. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số B2017-SPS-10.
- Sommerfield, L. M., Harrison, C. B., Whatman, C. S., & Maulder, P. S. (2022). Relationship between strength, athletic performance, and movement skill in adolescent girls. *Journal of Strength and Conditioning Research*, 36(3), 674-679.
- Trần Thị Tú Anh (2018). *Phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học*. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số: B2016-DHH-05. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.
- Trương Thị Diễm Phượng (2017). *Thực trạng giáo dục trí tuệ cảm xúc cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen tác phẩm văn học tại Trường Mầm non Hoa phương đỏ* (Khóa luận tốt nghiệp Khoa học Giáo dục Mầm non). Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
- Trương Thị Khánh Hà (2016). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Zins, J. E. (Ed.). (2004). *Building academic success on social and emotional learning: What does the research say?*. Teachers College Press.